

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: số 02 đường L, phường T, quận B, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công B, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện P (*theo văn bản ủy quyền số/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N*)

Ông Trần Công B ủy quyền lại tham gia tố tụng cho ông Nguyễn An S, Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh – Ngân hàng N – chi nhánh huyện P (*theo văn bản ủy quyền số/2022/UQ-NHNo.PC ngày 14/4/2022*).

- Bị đơn: Ông Nông Thành Đ, SN: 1975 và vợ bà Trần Thị Thu T, SN: 1975.

Đồng trú: thôn C, xã T, huyện P, Bình Định

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Nông Thành Đ, bà Trần Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền **13.474.858.225** đồng (*bằng chữ: Mười ba tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng*), trong

đó: tiền gốc vay 11.613.600.000 **đồng** (*Mười một tỷ, sáu trăm mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn 1.815.987.417 đồng (*Một tỷ, tám trăm mười lăm triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm mười bảy đồng*) và tiền lãi quá hạn là 45.270.808 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, hai trăm bảy chục nghìn, tám trăm lẻ tám đồng*).

Thời hạn trả nợ số tiền trên vào ngày 13/9/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 13/6/2022), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số-.....-201600969 ngày 25/12/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nếu như ông Nông Thành Đ, bà Trần Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên thì N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm là tàu cá vỏ thép (*bao gồm toàn bộ trang thiết bị trên tàu: Boong, hệ thống điện, trang thiết bị hàng hải, ngư lưới cụ, hệ thống bảo quản lạnh*) theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số, số đăng ký do Chi cục Thủy sản B cấp ngày 19 tháng 10 năm 2016, chủ đăng ký là ông Nông Thành Đ để thi hành trả nợ cho N.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Vợ chồng ông Nông Thành Đ, bà Trần Thị Thu T tự nguyện thỏa thuận chịu số tiền 60.737.429 đồng (*Sáu mươi triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng*).

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho N số tiền tạm ứng án phí là 60.700.000 đồng (*Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 00.... ngày của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát;
- Thi hành án dân sự huyện P;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức Minh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).